



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 27

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Xây lập Môi trường Nhân Cơ - TKV theo Quyết định cổ phần hóa số 2611/QĐ-TKV ngày 09 tháng 11 năm 2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 06 năm 2018.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R’Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Điện thoại : 05013 649366
- Fax : 05013 649355

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xây lập và hoạt động khai thác khoáng sản.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Tuấn Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Văn Thiện	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Minh Phúc	Phó chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Xuân Hiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2020
Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Trung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Phú Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2020

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Đinh Thị Thủy	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Mạnh Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Hữu Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Văn Trung	Giám đốc	Ngày 12 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Khanh	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 12 năm 2016

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Trung – Giám đốc.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**Giám đốc**



**Trần Văn Trung**

Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0139/21/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán. doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028 -2017-008-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>70.828.048.836</b>	<b>72.911.814.977</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.264.294.715</b>	<b>551.964.427</b>
1. Tiền	111		6.264.294.715	551.964.427
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.186.258.115</b>	<b>43.109.356.455</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	41.561.531.070	41.097.572.039
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.049.500.000	1.049.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	871.889.900	1.169.948.416
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(296.662.855)	(207.664.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.332.450.716</b>	<b>29.198.758.887</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	21.332.450.716	29.198.758.887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.045.290</b>	<b>51.735.208</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	44.674.846	51.735.208
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		370.444	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>828.341.969</b>	<b>2.753.549.371</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>828.341.969</b>	<b>2.753.549.371</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	828.341.969	2.753.549.371
<i>Nguyên giá</i>	222		107.341.475.420	107.341.475.420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(106.513.133.451)	(104.587.926.049)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>71.656.390.805</b>	<b>75.665.364.348</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.013.709.367</b>	<b>19.058.539.451</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.013.709.367</b>	<b>19.058.539.451</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	7.792.370.434	6.701.604.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	385.096.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	825.528.384	512.884.705
4. Phải trả người lao động	314		547.119.065	560.476.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	253.040.315	2.486.946.315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.640.946.778	4.439.826.379
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	3.954.704.391	3.971.704.391
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.642.681.438</b>	<b>56.606.824.897</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>56.642.681.438</b>	<b>56.606.824.897</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		506.801.386	506.801.386
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.135.880.052	6.100.023.511
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.100.023.511	5.985.911.855
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35.856.541	114.111.656
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>71.656.390.805</b>	<b>75.665.364.348</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Sơn

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Giám đốc

Trần Văn Trung

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54.910.730.842	53.591.138.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	22.395.353
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.910.730.842	53.568.743.396
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	51.032.651.578	49.220.361.319
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.878.079.264	4.348.382.077
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.277.193	3.177.374
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	3.746.140.654	4.131.220.979
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.215.803	220.338.472
11. Thu nhập khác	31		-	5.181.824
12. Chi phí khác	32	VI.5	35.257.898	54.908.581
13. Lợi nhuận khác	40		(35.257.898)	(49.726.757)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		100.957.905	170.611.715
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		65.101.364	56.500.059
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>35.856.541</u>	<u>114.111.656</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>7</u>	<u>23</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	<u>7</u>	<u>23</u>

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trịnh Quốc Sơn

Lập ngày 15 tháng 3 năm 2021



Giám đốc

Trần Văn Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		100.957.905	170.611.715
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	1.925.207.402	3.951.657.245
- Các khoản dự phòng	03	V.5	88.998.855	207.664.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(5.181.824)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.115.164.162	4.324.751.136
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(166.270.959)	14.263.654.213
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.866.308.171	(7.027.087.192)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.278.524.762)	(12.064.649.327)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.060.362	37.925.925
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(76.886.686)	(198.479.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(17.000.000)	(183.190.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>8.449.850.288</b>	<b>(847.076.032)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	142.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>-</b>	<b>142.000.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh			
		Năm nay	Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.737.520.000)	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.737.520.000)</b>	<b>-</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>5.712.330.288</b>	<b>(705.076.032)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>551.964.427</b>	<b>1.257.040.459</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>6.264.294.715</b>	<b>551.964.427</b>

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trịnh Quốc Sơn

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Trần Văn Trung

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

---

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác quặng Bauxite, Buôn bán nguyên nhiên liệu, Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, Cho thuê máy móc và thiết bị.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 35 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 41 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa, phí đường bộ và bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này nhưng không quá 3 năm.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	8-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8-10

#### 7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **8. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **10. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.519.357	1.519.357
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.262.775.358	550.445.070
<b>Cộng</b>	<b><u>6.264.294.715</u></b>	<b><u>551.964.427</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>40.669.828.013</b>	<b>40.288.051.982</b>
Công ty Cổ phần CMVIETNAM	27.830.576.268	24.673.849.833
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	8.388.670.344	10.420.515.242
BQL Dự án Tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	4.450.581.401	5.193.686.907
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>891.703.057</b>	<b>809.520.057</b>
Cộng	<b>41.561.531.070</b>	<b>41.097.572.039</b>

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>1.049.500.000</b>	<b>1.049.500.000</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc – Công ty Công nghiệp Xây dựng mỏ (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	49.500.000	49.500.000
Cộng	<b>1.049.500.000</b>	<b>1.049.500.000</b>

(\*) Khoản tiền ứng trước theo Hợp đồng số 01/4.3.2016/HĐ-XLMT ngày 04/3/2016 thi công dự án Hồ bùn đỏ Lâm Đồng, dự kiến năm 2021 sau khi Chủ đầu tư (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) quyết toán, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường sẽ quyết toán với thầu phụ (Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc – Công ty Công nghiệp Xây dựng mỏ).

#### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khoản ký quỹ, ký cược	662.323.776	-	784.080.577	-
Tạm ứng	184.374.661	-	353.708.686	-
Các khoản phải thu khác	25.191.463	-	32.159.153	-
Cộng	<b>871.889.900</b>	<b>-</b>	<b>1.169.948.416</b>	<b>-</b>

#### 5. Nợ xấu

Là khoản phải thu Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Trường Thịnh Đăk Nông quá hạn từ 01/12/2017, số tiền phải thu 296.662.855 VND, số dự phòng 296.662.855 VND (trích lập 100%).

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	207.664.000	-
Trích lập dự phòng	88.998.855	207.664.000
Số cuối năm	<b>296.662.855</b>	<b>207.664.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.533.846.547	-	1.905.886.028	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:	19.798.604.169	-	27.292.872.859	-
<i>Dự án Hồ bùn đỏ Lâm Đồng<sup>(*)</sup></i>	5.975.477.645	-	5.975.477.645	-
<i>Dự án Trạm hệ thống điện Diesel Lâm Đồng<sup>(*)</sup></i>	695.381.076	-	695.381.076	-
<i>Dự án Đập thải quặng đuôi Nhà máy Alumin Nhân Cơ<sup>(*)</sup></i>	909.771.163	-	909.771.163	-
<i>Dự án Khoang số 3 Hồ bùn đỏ Lâm Đồng<sup>(*)</sup></i>	7.111.868.747	-	7.111.868.747	-
<i>Dự án Bình Định - Hồ núi 1</i>	5.049.675.538	-	11.915.204.228	-
<i>Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng</i>	-	-	685.170.000	-
<i>Hồ bùn đỏ Nhân Cơ (Trừ phát quang, bóc bùn)</i>	56.430.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.332.450.716</b>	<b>-</b>	<b>29.198.758.887</b>	<b>-</b>

(\*) Là giá trị dở dang còn lại các công trình đã hoàn thành dự kiến được Chủ đầu tư (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) quyết toán trong năm 2021.

#### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm xe, máy móc thiết bị	26.019.735	25.152.548
Công cụ dụng cụ văn phòng	5.772.575	13.580.711
Phí đăng đường bộ và đăng kiểm	12.882.536	13.001.949
<b>Cộng</b>	<b>44.674.846</b>	<b>51.735.208</b>

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	11.636.984.488	59.071.290.739	36.338.828.253	294.371.940	107.341.475.420
Số cuối năm	<b>11.636.984.488</b>	<b>59.071.290.739</b>	<b>36.338.828.253</b>	<b>294.371.940</b>	<b>107.341.475.420</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.282.981.818	59.037.199.830	36.338.828.253	294.371.940	101.953.381.841
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.926.678.070	58.169.450.096	36.197.425.943	294.371.940	104.587.926.049
Khấu hao trong năm	892.333.776	891.471.316	141.402.310	-	1.925.207.402
Số cuối năm	<b>10.819.011.846</b>	<b>59.060.921.412</b>	<b>36.338.828.253</b>	<b>294.371.940</b>	<b>106.513.133.451</b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.710.306.418	901.840.643	141.402.310	-	2.753.549.371
Số cuối năm	<b>817.972.642</b>	<b>10.369.327</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>828.341.969</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>7.792.370.434</b>	<b>6.701.604.662</b>
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Hạ tầng	447.884.626	447.884.626
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Sơn	1.523.838.329	818.127.346
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đoàn Bảo An	1.975.604.010	1.032.595.132
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư TK	1.150.364.175	1.255.277.513
Công ty TNHH Khai thác Nước ngầm Thịnh Hưng	861.363.822	861.363.822
Các nhà cung cấp khác	1.833.315.472	2.286.356.223
<b>Cộng</b>	<b>7.792.370.434</b>	<b>6.701.604.662</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	441.019.838	-	1.745.831.984	(1.404.842.176)	782.009.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.304.060	-	65.101.364	(76.886.686)	43.518.738	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.560.807	-	48.820.976	(65.752.227)	-	370.444
Phí bảo vệ môi trường	-	-	2.302.538.325	(2.302.538.325)	-	-
Phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>512.884.705</b>	<b>-</b>	<b>4.165.292.649</b>	<b>(3.853.019.414)</b>	<b>825.528.384</b>	<b>370.444</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	99.995.730	170.611.715
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	209.890.223	111.888.581
<i>Tiền phạt, lãi chậm nộp thuế và bảo hiểm</i>	35.257.898	54.908.581
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	48.000.000	51.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh khác</i>	126.632.325	5.980.000
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>310.848.128</b>	<b>282.500.296</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>62.169.626</b>	<b>56.500.059</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm<sup>(*)</sup></i>	<i>(18.650.888)</i>	<i>-</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>43.518.738</b>	<b>56.500.059</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>21.582.626</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>65.101.364</b>	<b>56.500.059</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>253.040.315</b>	<b>2.486.946.315</b>
Phí bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2016, 2017 (*)	142.000.000	2.375.906.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	111.040.315	111.040.315
<b>Cộng</b>	<b>253.040.315</b>	<b>2.486.946.315</b>

(\*) Công ty tạm trích phí BVMT theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước và Cục thuế tỉnh Đắk Nông tại Biên bản làm việc ngày 16 tháng 8 năm 2017 trong đó: phí BVMT bị truy thu là 2.175.906.000 VND và tiền phạt vi phạm hành chính (VPHC) là 200.000.000 VND. Trong năm Công ty đã nộp 2.175.906.000 VND phí BVMT bị truy thu và 58.000.000 VND tiền phạt VPHC theo Quyết định số 1035/QĐ-CT của Tổng cục thuế - Cục thuế Tỉnh Đắk Nông ban hành ngày 30 tháng 10 năm 2020.

### 12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>1.441.900.000</b>	<b>4.155.420.000</b>
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Cổ tức	1.200.000.000	1.200.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Các khoản khác	208.900.000	181.900.000
Công ty Cổ phần CMVIETNAM - Cổ tức	-	2.737.520.000
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	33.000.000	36.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>232.046.778</b>	<b>4.257.926.379</b>
Kinh phí công đoàn	-	3.091.856
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	49.469.696
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	62.480.000	62.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	136.566.778	169.364.827
<b>Cộng</b>	<b>1.640.946.778</b>	<b>4.439.826.379</b>

### 13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.390.734.795	-	2.390.734.795
Quỹ phúc lợi	1.315.753.672	(17.000.000)	1.298.753.672
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	265.215.924	-	265.215.924
<b>Cộng</b>	<b>3.971.704.391</b>	<b>(17.000.000)</b>	<b>3.954.704.391</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Vốn chủ sở hữu****14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	506.801.386	5.985.911.855	56.492.713.241
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	114.111.656	114.111.656
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>506.801.386</b>	<b>6.100.023.511</b>	<b>56.606.824.897</b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	506.801.386	6.100.023.511	56.606.824.897
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	35.856.541	35.856.541
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>506.801.386</b>	<b>6.135.880.052</b>	<b>56.642.681.438</b>

**14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	34.219.000.000	34.219.000.000
Các cổ đông khác	781.000.000	781.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**14c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	5.198.133.084	6.297.156.493
Doanh thu dịch vụ khai thác quặng bauxit	41.677.482.649	42.142.885.934
Doanh thu dịch vụ xây lắp	5.483.738.254	2.110.369.050
Doanh thu khác	2.551.376.855	3.040.727.272
<b>Cộng</b>	<b>54.910.730.842</b>	<b>53.591.138.749</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV		
<i>Cung cấp dịch vụ khai thác quặng bauxit</i>	41.677.482.649	42.142.885.934
Công ty Cổ phần CMVIETNAM		
<i>Thi công dự án Xenamnoy</i>	-	504.000.000
<i>Thi công dự án Nậm Ngừm</i>	-	459.000.000
<i>Thi công dự án Bình Định - Hồ núi 1</i>	4.417.115.527	2.110.369.050
<i>Cho thuê thiết bị</i>	1.525.290.323	1.545.000.000

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.121.313.382	6.203.139.445
Giá vốn dịch vụ khai thác quặng bauxit	36.892.687.634	38.493.328.365
Giá vốn dịch vụ xây lắp	7.620.288.690	2.731.433.667
Giá vốn khác	1.398.361.872	1.792.459.842
<b>Cộng</b>	<b><u>51.032.651.578</u></b>	<b><u>49.220.361.319</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.614.858.921	1.993.133.102
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.204.956	32.358.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.402.310	1.080.870.216
Thuế, phí và lệ phí	129.632.325	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	88.998.855	207.664.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.464.347	30.928.514
Các chi phí khác	745.578.940	783.266.467
<b>Cộng</b>	<b><u>3.746.140.654</u></b>	<b><u>4.131.220.979</u></b>

**5. Chi phí khác**

Là tiền phạt, chậm nộp bảo hiểm và thuế.

**6. Lãi trên cổ phiếu****6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.856.541	114.111.656
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	35.856.541	114.111.656
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>7</u></b>	<b><u>23</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.643.957.200	18.661.240.590
Chi phí nhân công	6.329.177.810	8.320.745.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.925.207.402	3.951.657.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.817.041.028	2.439.746.036
Chi phí khác	22.569.140.102	28.065.550.865
<b>Cộng</b>	<b><u>47.284.523.542</u></b>	<b><u>61.438.940.340</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>Tiền lương</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Cộng thu nhập</b>
<b>Năm nay</b>			
Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT (từ ngày 26 tháng 6 năm 2020)	-	9.000.000	9.000.000
Ông Lê Văn Thiện – Chủ tịch HĐQT (đến ngày 26 tháng 6 năm 2020)	-	3.000.000	3.000.000
Ông Phạm Minh Phúc – Phó chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Đoàn Xuân Hiệu – Thành viên HĐQT (từ ngày 09 tháng 10 năm 2020)	-	3.000.000	3.000.000
Ông Nguyễn Phú Dương – Thành viên HĐQT (đến ngày 09 tháng 10 năm 2020)	-	9.000.000	9.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân – Thành viên	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Văn Trung – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	414.807.276	12.000.000	426.807.276
Ông Nguyễn Văn Khanh – PGĐ	361.145.455		361.145.455
Bà Đinh Thị Thủy – Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Mạnh Cường – Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Minh Đức – Thành viên BKS (từ ngày 26 tháng 6 năm 2020)	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Hữu Thành – Thành viên BKS (đến ngày 26 tháng 6 năm 2020)	-	6.000.000	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>775.952.731</b>	<b>96.000.000</b>	<b>871.952.731</b>
<b>Năm trước</b>			
Ông Lê Văn Thiện – Chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Minh Phúc – Phó Chủ tịch HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Phú Dương – Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân – Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Phi – Thành viên HĐQT	-	3.000.000	3.000.000
Ông Trần Văn Trung – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	414.807.276	9.000.000	423.807.276
Ông Nguyễn Văn Khanh – PGĐ	361.145.455		361.145.455
Bà Đinh Thị Thủy – Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Mạnh Cường – TV BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Hữu Thành – TV BKS		9.000.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>775.952.731</b>	<b>93.000.000</b>	<b>868.952.731</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

Công ty Cổ phần CMVIETNAM  
 Công ty TNHH CM Xây dựng  
 Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại  
 Công ty Cổ phần CM Thành Động  
 Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam  
 Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – TKV  
 BQL Dự án Tổ Hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty con trong cùng Tập đoàn  
 Công ty con trong cùng Tập đoàn  
 Công ty con trong cùng Tập đoàn  
 Cổ đông lớn (sở hữu 30% vốn điều lệ)  
 Công ty con của cổ đông lớn  
 Đơn vị trực thuộc cổ đông lớn

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lập	Lĩnh vực khai thác quặng	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	46.504.779.497	9.050.031.945	8.388.670.344	63.943.481.786
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				7.712.909.019
<b>Tổng tài sản</b>				<b>71.656.390.805</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	253.040.315	4.649.806.514	3.142.563.920	8.045.410.749
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				6.968.298.618
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>15.013.709.367</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	54.947.548.200	11.204.595.819	5.193.686.907	71.345.830.926
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				4.319.533.422
<b>Tổng tài sản</b>				<b>75.665.364.348</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	2.872.042.315	3.967.363.813	2.734.240.849	9.573.646.977
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				9.484.892.474
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>19.058.539.451</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trịnh Quốc Sơn

Lập, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Trần Văn Trung